

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày: 05-7 -2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Dũng

Ông Điều Bách

Ông Điều Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hòa - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2023/TLHS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn P**; giới tính: Nam; sinh ngày 08/7/1990 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Phan Viết L, sinh năm 1959 và bà Dương Thị L1, sinh năm 1961; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 95/2009/HSST ngày 22/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên phạt bị cáo Phan Văn P mức án 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong án phạt ngày 31/8/2011 và chấp hành xong án phí ngày 26/02/2010. Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 19/5/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

2. Ông Phan Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

3. Ông Võ Xuân C, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn P và chị Nguyễn Thị Phương T là vợ chồng đã ly hôn, có 02 người con chung tên Phan Văn Thiện N1, sinh năm 2014 và Phan Quốc N2, sinh năm 2017 đang sống cùng với P. Khoảng 12 giờ ngày 19/5/2022, P đi đám cưới tại xã P, huyện B thấy chị T cũng dự đám cưới. P thấy chị T ngồi cùng với người đàn ông khác và nghĩ chị T không chăm lo cho 02 người con chung nên P bực tức. Sau khi dự đám cưới, P về nhà lấy 01 con dao (loại dao Thái lan) giấu vào lưng quần rồi điều khiển xe mô tô biển số 93L1- 477.09 quay lại đám cưới tìm chị T nhưng không thấy. Sau đó, P tiếp tục điều khiển xe chạy đến nhà ông Võ Xuân C (là ông ngoại của chị T) tại thôn S, xã P tìm chị T. Lúc này, tại nhà ông C có chị T và chị Võ Thị Tuyết N (cô ruột của T) ở ngoài sân, ông C và ông Phan Văn G ngồi trong nhà. Khi thấy chị T, P lấy con dao ra cầm ở tay phải. Thấy vậy T bỏ chạy vào trong nhà ông C cùng ông C đóng cửa nhà lại nhưng chưa đóng hết 02 cánh cửa thì P xông đến dùng tay phải cầm con dao đâm trúng 01 cái vào trán và đâm 01 cái vào cánh tay trái ông C gây thương tích. P tiếp tục cầm con dao đâm trúng 01 cái vào cánh tay phải và 01 cái vào cánh tay trái của T. Bị đau nên ông C đẩy cửa chạy ra bên ngoài sân nhà, còn chị T thì ngồi xuống nền nhà, P đi đến đâm liên tiếp 02 cái vào vùng vai trái của T gây thương tích. Thấy vậy, ông G bỏ chạy ra ngoài sân lấy 01 cái xẻng trong khuôn viên nhà ông C chạy đến can ngăn thì P cầm con dao xông đến đâm trúng 01 cái vào vùng trán của ông G. Lúc này, T từ trong nhà ông C bỏ chạy ra bên ngoài đường, P cầm con dao đuổi theo T. Khi P đuổi gần đến thì chị T hoảng sợ, ngồi xổm xuống đất, P dùng tay trái nắm tóc, tay phải P cầm dao đâm liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng lưng của T làm gãy lưỡi dao ra khỏi cán dao và găm vào lưng chị T. Khi P đâm chị T, chị N cầm 01 cái cuốc đánh vào lưng P để can ngăn. Sau khi đâm chị T, P vứt cán dao Thái Lan gần đó rồi điều khiển xe mô tô biển số 93L1- 477.09 về nhà thay quần áo rồi đến Công an xã P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Chị T, ông C và ông G được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 210/2022/TgT ngày 21/6/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B đối với Nguyễn Thị Phương T, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Trần khí, tràn máu màng phổi phải đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi, hiện không di chứng;
- Trần khí, tràn máu màng phổi trái, đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi, màng phổi thủng dưới phổi trái;
- 03 vết thương lưng bên trái kích thước (kt) (2 x 0,1)cm; (1,5 x 0,1)cm; (1 x 0,1)cm;
- Giữa cột sống có vết thương kt (0,5 x 0,1)cm gọn;
- 01 vết thương cạnh cột sống lưng phải kt (3,5 x 0,1)cm;
- Vết thương mặt trước – trong cánh tay phải kt (5,5 x 0,1)cm gọn;
- Vết thương 1/3 giữa – sau cánh tay phải kt (5 x 0,5)cm;
- Vết thương trên – trước vai trái kt (2 x 0,1)cm và (3 x 0,1)cm;
- Vết thương cánh tay trái: + 1/3 giữa – trong kích thước (2 x 0,1)cm; sau – ngoài kt (2 x 0,1)cm;
- Vết thương sau vai – cánh tay trái kt (5,5 x 0,1)cm gọn...

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Nguyễn Thị Phương T là 32% (Ba mươi hai phần trăm) [BL: 90-93].

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 232/2022/TgT ngày 07/7/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B đối với Phan Văn G, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo dọc trán bên trái kích thước (4,5 x 0,2)cm gọn.
- Hốc mắt 2 bên không thấy dấu vết tổn thương.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (Ba phần trăm).

3. Kết luận khác: Gãy xương chính mũi (cũ)” [BL: 96-97].

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 254/2022/TgT ngày 06/7/2022 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B đối với Võ Xuân C, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo trán trái (trên cung mày) mắt trái kích thước (6,5 x 0,2) cm gọn: 04%.
- Sẹo 1/3 giữa - trước cánh tay trái kích thước (5 x 0,2) cm gọn, mềm lành tốt, vận động cánh tay trái trong giới bình thường: 01%

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 05% (Năm phần trăm) .

Tại Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 53/23/TC-ADN ngày 11/01/2023 của V – Bộ Y, kết luận:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên các mẫu lưỡi dao bằng kim loại có kích thước (kt) (10 x 1,8)cm, mảnh kim loại có kt (1,5 x 0,2)cm, cán dao bằng nhựa màu vàng kt (1,9 x 12,2 x 0,9)cm: Dương tính;

- ADN thu từ mẫu lưỡi dao bằng kim loại có kt (10 x 1,8)cm có hiện diện đầy đủ các alen của ADN thu từ Nguyễn Thị Phương T và Phan Văn P trên tất cả các locus STR đã so sánh;

- ADN thu từ mảnh kim loại có kt (1,5 x 0,2)cm trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Thị Phương T trên tất cả các locus STR đã so sánh;

- ADN thu từ mẫu cán dao bằng nhựa màu vàng kt (1,9 x 12,2 x 0,9)cm trùng khớp hoàn toàn với ADN của Phan Văn P trên tất cả các locus STR đã so sánh.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT thu giữ một số đồ vật gồm:

- 01 xe mô tô biển số 93L1-477.09, màu đỏ - đen, hiệu Wave RSX; số máy 0060901; số khung 033907 do Phan Văn P giao nộp

- 01 cái xẻng dài 1,42m, cán bằng tre, đường kính 3,5cm bị nứt toác một phần, phần lưỡi kt (24,5 x 26)cm;

- 01 cái cuốc dài 163,5 cm, cán bằng tre, dài 163,5cm, đường kính 3cm, kt (18 x 22)cm;

- 01 cán dao bằng nhựa màu vàng kt (1,9 x 12,2 x 0,9)cm;

- 01 lưỡi dao bằng kim loại kích thước (10 x 1,8) cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn;

- 01 mảnh kim loại kích thước (1,5 x 0,2)cm

- 10 sợi tóc (có chân tóc) của bị can Phan Văn P, các bị hại Nguyễn Thị Phương T, Phan Văn G và Võ Xuân C. Sau khi thu giữ đã niêm phong

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Phan Văn P bồi thường chi phí điều trị thương tích, bù đắp ngày công lao động và tổn thất tinh thần với số tiền 112.000.000 đ (một trăm mười hai triệu đồng); Ông Võ Xuân C yêu cầu bị can P bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng); Ông Phan Văn G yêu cầu bị can P bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Hiện bị cáo P chưa bồi thường cho ai.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSBP-P2 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phan Văn P về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phan Văn P thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại Cung số tiền 10.000.000 đồng, bị hại G số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo không đồng ý số tiền bồi thường cho bị hại T 112.000.000 đồng;

- Bị hại T, bị hại Cung, bị hại G đề nghị Hội đồng xét xử đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 15 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 8 năm đến 9 năm về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo Phan Văn P

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo P và bị hại G số tiền 10.000.000 đồng, ghi nhận sự bồi thường giữa bị cáo P và bị hại Cung số tiền 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo P bồi thường cho bị hại P 10.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Cung số tiền 10.000.000 đồng.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu bị cáo P bồi thường cho chị T số tiền 112.000.000 đồng. Buộc bị cáo P bồi thường cho bị hại T số tiền 112.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng và đồ vật theo bảng kê kèm theo Cáo trạng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

- **Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích, bản ảnh giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về ADN, biên bản, bản ảnh thực nghiệm điều tra và các vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Phan Văn P và chị Nguyễn Thị Phương T là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Ngày 19/5/2022, P đi đám cưới thấy chị T ngồi cùng với người đàn ông khác và nghĩ chị T không chăm lo cho 02 người con chung nên P bức tức. Sau khi dự đám cưới xong, P về nhà lấy 01 con dao thái lan giấu vào lưng quần rồi điều khiển xe mô tô quay lại đám cưới tìm chị T nhưng không thấy. Sau đó, P tiếp tục điều khiển xe chạy đến nhà ông Võ Xuân C tại thôn S, xã P, huyện B tìm chị T. Tại đây, P đuổi đâm trúng chị T nhiều nhất làm gãy con dao gây thương tích 32%, trong đó có nhất trúng lưng của chị T gây tràn khí, tràn máu màng phổi. Trong lúc P dùng dao đâm chị T thì được ông C, ông G và chị N can ngăn thì ông C bị P đâm 01 nhất trúng vào vùng trán và 01 nhất trúng vào tay trái gây thương tích 05% (vết thương phần mềm); ông G bị P đâm vào vùng trán gây thương tích 03% (vết thương phần mềm). Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để xác định bị cáo tại phiên tòa phạm tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Xét bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì suy nghĩ không có căn cứ rằng chị T không chăm lo cho hai con nên bức tức, bị cáo dùng một con dao thái lan giấu vào lưng rồi đi tìm và đâm chị T. Ông G và ông C can ngăn thì cũng bị P đâm vào trán, vào tay trái của ông C, đâm vào vùng trán của ông G. Bị cáo thấy trước hậu quả chết người và gây thương tích có thể xảy ra, nhưng với bản chất coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính côn đồ, hung hăng của bị cáo.

[4] Xét tính chất hành vi, hậu quả mà bị cáo Phan Văn P gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại là khách thể đặc biệt được Luật hình sự ưu tiên bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống xã hội. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu bị cáo Phan Văn P bồi thường chi phí điều trị thương tích, bù đắp ngày công lao động và tổn thất tinh thần với số tiền 112.000.000 đ (một trăm mười hai triệu đồng); ông Võ Xuân C yêu cầu bị cáo P bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng); ông Phan Văn G yêu cầu bị cáo P bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo P đồng ý bồi thường cho bị hại C và bị hại G mỗi bị hại 10.000.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại G, bị hại C là không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp nên cần ghi nhận.

Đối với bị cáo P và bị hại T không thỏa thuận được mức bồi thường. Tuy nhiên, xét thấy chi phí chị T yêu cầu gồm: chi phí chữa bệnh 18.200.000 đồng (BL 245), tái khám cả tiền xe ngày 10/6/2022 là 1.500.000 đồng, tái khám cả tiền xe ngày 25/6/2022 là 1.500.000 đồng, CT đầu hai lần 1.200.000 đồng, mua thuốc ngoài bệnh viện 5.000.000 đồng, tiền xe cấp cứu hai lần 2.000.000 đồng, tiền xe ra viện đi về 1.200.000 đồng, tiền xe chờ giám định lần một 200.000 đồng, tiền xe giám định lần hai 1.200.000 đồng, không đi làm được ba tháng 30.000.000 đồng, tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng là đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Buộc bị cáo P bồi thường cho bị hại T số tiền 112.000.000 đ (một trăm mười hai triệu đồng).

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy.

- 01 cái xẻng dài 1,42m, cán bằng tre, đường kính 3,5cm bị nứt toác một phần, phần lưỡi kt (24,5 26)cm;

- 01 cái cuốc dài 163,5 cm, cán bằng tre, dài 163,5cm, đường kính 3cm, kt (18 x 22)cm;

- 01 cán dao bằng nhựa màu vàng kt (1,9 x 12,2 x 0,9)cm;

- 01 lưỡi dao bằng kim loại kích thước (10 x 1,8) cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn (BL: 61 – 62);

- 01 mảnh kim loại kích thước (1,5 x 0,2)cm

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1- 477.09, số khung 033907, số máy 0060901 thu của Phan Văn P. Xe mô tô là tài sản hợp pháp của bà Dương Thị L1. Bà L1 không biết bị cáo P sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với mẫu sợi tóc (có chân tóc) thu của bị cáo và các bị hại đã sử dụng hết trong quá trình giám định nên không đề cập đến

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”.

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt:*

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 15; Điều 57 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”

Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Buộc bị cáo Phan Văn P phải chấp hành hình phạt chung cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 02/2022/ NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Buộc bị cáo Phan Văn P bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Phương T số tiền 112.000.000đ (một trăm mười hai triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Phan Văn P và bị hại Phan Văn G, bị hại Võ Xuân C. Buộc bị cáo Phan Văn P bồi thường cho bị hại Phan

Văn G 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị hại Võ Xuân C 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. *Về xử lý vật chứng vụ án:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy.

- 01 cái xẻng dài 1,42m, cán bằng tre, đường kính 3,5cm bị nứt toác một phần, phần lưỡi kt (24,5 26)cm;

- 01 cái cuốc dài 163,5 cm, cán bằng tre, dài 163,5cm, đường kính 3cm, kt (18 x 22)cm;

- 01 cán dao bằng nhựa màu vàng kt (1,9 x 12,2 x 0,9)cm;

- 01 lưỡi dao bằng kim loại kích thước (10 x 1,8) cm, một lưỡi sắc, mũi nhọn (BL: 61 – 62];

- 01 mảnh kim loại có kích thước (1,5x0,2) cm;

5. *Án phí:* Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thanh P1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.600.000đ (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo:* Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- CQĐT - Công an tỉnh Bình Phước;
- CQTHAHS – Công an tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

Bùi Thanh Thảo